TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 102/2023/QĐST - DS	*C, ngày 01 tháng 11 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 24 tháng 10 năm 2023, về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 131/2023/TLST - DS, ngày 20 tháng 10 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* giữa:

- *Nguyên đơn:* Ông Mã Hắn Q, sinh năm 1986. Nơi đăng ký hộ khẩu: Ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Chỗ ở hiện nay: Ấp K, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Mã Hắn Q: Ông Lê Nhựt H, sinh năm 1991. Địa chỉ: ấp S, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn:* 1/ Ông Lê Văn T, sinh năm 1961.

2/ Bà Trần Thị L, sinh năm 1966.

Cùng địa chỉ: ấp K, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

3/ Ông Lê Minh N, sinh năm 1990.

Nơi đăng ký hộ khẩu: Ấp K, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Chỗ ở hiện nay: D20/4/3/Võ V, ấp D, xã V, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Văn T và bà Trần Thị L: Ông Lê Minh N, sinh năm 1990. Nơi đăng ký hộ khẩu: Ấp K, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Chỗ ở hiện nay: D20/4/3/ V, ấp D, xã V, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về số tiền phải trả: Ông Lê Nhựt H là người đại diện theo ủy quyền của ông Mã Hắn Q với ông Lê Minh N (và ông N là người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Văn T và bà Trần Thị L) tự nguyện thỏa thuận là ông Lê Văn T, bà Trần Thị L và ông Lê Minh N có nghĩa vụ trả cho ông Mã Hắn Q số tiền nợ là 8.000.000.000đồng *(Tám tỷ đồng)*.

Ông Lê Nhựt H là đại diện theo ủy quyền của ông Mã Hắn Q thống nhất nhận số tiền này, ngoài ra không còn yêu cầu nào khác.

- Về thời gian trả: Ông Lê Nhựt H là đại diện theo ủy quyền của ông Mã Hắn Q với ông Lê Minh N (và ông N là đại diện theo ủy quyền của ông Lê Văn T và bà Trần Thị L) tự nguyện thỏa thuận thời gian ông T, bà L và ông N trả số tiền 8.000.000.000đồng *(Tám tỷ đồng)* cho ông Q sẽ do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Càng Long giải quyết theo quy định của pháp luật Thi hành án dân sự.

- Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án), hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Là 58.000.000đồng (*Năm mươi tám triệu đồng*). Bị đơn ông Lê Văn T, bà Trần Thị L và ông Nguyễn Minh N1 tự nguyện liên đới nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Lê Văn T, bà Trần Thị L và ông Lê Minh N mỗi người phải nộp là 19.333.333đồng.

Đối với ông Lê Văn T do thuộc diện người cao tuổi (trên 60 tuổi) nên ông được miễn phần tiền án phí của ông phải chịu là 9.666.666đồng, nhưng ông phải nộp phần tiền án phí của nguyên đơn phải chịu là 9.666.666đồng.

Đối với số tiền 58.000.000đồng (*Năm mươi tám triệu đồng*) đã nộp tạm ứng tại biên lai số AA/2020/0013980 ngày 13 tháng 10 năm 2023 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Càng Long thu sẽ được hoàn trả lại cho ông Mã Hắn Q.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự ”.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Tuyết Thanh